TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST
Ngày: 22-3-2022
V/v "Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Giáo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến
2. Ông Nguyễn Hữu Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 680/2022/QĐXX-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1952; Địa chỉ: đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thành T2, sinh năm 1971; Địa chỉ: đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm 1973; Địa chỉ: đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. (Ủy quyền cho anh Nguyễn Thành T2 theo văn bản ủy quyền lập ngày 02/12/2021)

3. Anh Nguyễn Khắc T4, sinh năm 1979; Địa chỉ: Chung cư F, đường B, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Ủy quyền cho anh Nguyễn Thành T2

theo văn bản ủy quyền lập ngày 03/12/2021)

4. Chị Nguyễn Thị Thu T5, sinh năm 1981; Địa chỉ: đường Đ, phường M, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. (Ủy quyền cho anh Nguyễn Thành T2 theo văn bản ủy quyền lập ngày 03/12/2021)

5. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1988; Địa chỉ: đường M, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

6. Chị Võ Thị Hồng T, sinh năm 1979; Địa chỉ: đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:*** Chồng bà là Nguyễn Văn D sinh năm 1939, chết 24/8/2015 không có để lại di chúc. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1970, có 05 người con: Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Khắc T4, Nguyễn Thị Thu T5. Chồng bà có 01 người con riêng tên Nguyễn Thị Ngọc H. Cha mẹ chồng chết trước chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng bà tạo lập được tài sản chung nhà và đất tại số nhà 299 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (thửa 324, tờ bản đồ số 11). Nhà, đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà. Nguồn gốc đất do vợ chồng bà mua của vợ chồng Nguyễn S, Châu Thị H vào năm 1975. Năm 1987, vợ chồng bà xây dựng nhà cấp 4, kết cấu tường xây gạch, mái ngói, nền xi măng. Sau khi chồng chết, bà vào thành phố Hồ Chí Minh ở chung với con Nguyễn Khắc T4, nhà không ai ở nên cho Nguyễn Thành T1 mượn nhà để mở tiệm sửa điện. hiện nay bà đã về quê nhưng không có chỗ ở, phải ở nhờ nhà người thân. Bà yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và chồng Nguyễn Văn D đồng thời chia di sản thừa kế của chồng, tài sản yêu cầu phân chia là nhà và đất tại số 299 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (thửa 324, tờ bản đồ số 11).

**** Bị đơn anh Nguyễn Thành T1 xác định:*** Thống nhất như lời trình bày của mẹ Nguyễn Thị A về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc nhà đất số 299 đường H. Riêng chị Nguyễn Thị Ngọc H có phải là con của cha thì anh không xác định được. Năm 2005 anh cưới vợ, vợ chồng anh sống và làm nghề ở ngôi nhà 299 đường H cho đến nay. Quá trình sử dụng, vợ chồng anh (Nguyễn Thành T1 - Võ Thị Hồng T) sửa chữa: làm mái hiên, xây công trình phụ (nhà tắm, WC); thay cửa chính, một số cửa phòng; làm gác lỡ, đóng trần phòng sau. Cha chết không có lập di chúc phân chia tài sản nhưng cha có tâm nguyện là để lại nhà đất cho anh vì anh là người trực tiếp chăm sóc cha lúc đau ốm, lo tang lễ cho cha. Nay mẹ đã kiện chia tài sản và chia thừa kế thì anh đồng ý, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, chi phí vợ chồng anh sửa chữa nhà yêu cầu trả lại.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành T2 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Khắc T4, Nguyễn Thị Thu T5 trình bày:*** Thống nhất như lời trình bày của mẹ Nguyễn Thị A về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc nhà đất. Đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của mẹ, phần di sản chia cho anh Nguyễn Thanh Thái, chị Nguyễn Thị Bích T3, anh Nguyễn Khắc T4, chị Nguyễn Thị Thu T5 tự nguyện tặng cho mẹ.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*** Chị là con riêng của ông Nguyễn Văn D. Chị xác định nhà, đất số 299 đường H có ½ là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị A, còn ½ tài sản của cha yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật, phần di sản được chia chị tự nguyện tặng cho bà Nguyễn Thị A.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Hồng T trình bày:*** Năm 2005, chị và anh Nguyễn Thành T1 cưới nhau. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng ở 299 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Quá trình sử dụng, vợ chồng chị sửa chữa: xây mới công trình phụ (nhà WC); thay cửa chính, một số cửa phòng; làm gác lỡ để; đóng trần phòng sau; làm mái hiên nhà trước. Bà Nguyễn Thị A yêu cầu phân chia tài sản là nhà và đất tọa lạc tại số nhà 299 đường H, chị yêu cầu trả lại cho vợ chồng chị chi phí sửa chữa nhà.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, không bổ sung gì.

- Nguyên đơn cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để bác bỏ lời khai của bị đơn anh Nguyễn Thành T1 về việc anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cha khi đau cho đến khi chết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên Tòa:*

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị A. Giao cho bà Nguyễn Thị A được sở hữu, sử dụng ngôi nhà số 299 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định cấp loại N8 diện tích 86,9m^2 xây dựng trên thửa đất số hiệu 324, tờ bản đồ số 11 diện tích theo hiện trạng đang sử dụng 206,8m^2 có giá trị 1.906.943.968đ. Buộc bà Nguyễn Thị A thanh toán kỷ phần chia thừa kế cho anh Nguyễn Thành T1 136.210.283đ và trả cho vợ chồng anh Nguyễn Thành T1 chi phí sửa chữa nhà 9.195.888đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và

căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung và chia di sản thừa kế. Hình thức, nội dung đơn khởi kiện phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tài sản tranh chấp và bị đơn đều cư trú tại thị xã An Nhơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc H, Võ Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất xác định ngôi nhà số 299 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định cấp loại N8, kết cấu tường xây, mái ngói, nền xi măng diện tích 86,9m^2 và các công trình phụ gồm nhà kho, nhà vệ sinh, giếng nước được xây dựng trên thửa đất số hiệu 324, tờ bản đồ số 11 diện tích theo hiện trạng đang sử dụng 206,8m^2 là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị A có nguồn gốc mua của vợ chồng Nguyễn S, Châu Thị H năm 1975.

[4] Ông Nguyễn Văn D (sinh năm 1939, chết ngày 23/8/2015) có 05 người con chung với bà Nguyễn Thị A gồm: Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Khắc T4, Nguyễn Thị Thu T5 và 01 người con riêng là Nguyễn Thị Ngọc H. Ông Nguyễn Văn D chết không lập di chúc. Bà Nguyễn Thị A yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D theo pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Thời điểm mở thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn D là ngày 23/8/2015 nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị A phù hợp quy định pháp luật.

[5] Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn D được xác định gồm 07 người là: vợ Nguyễn Thị A và các người con là Nguyễn Thành T2, Nguyễn Thị Bích T3, Nguyễn Thành T1, Nguyễn Khắc T4, Nguyễn Thị Thu T5, Nguyễn Thị Ngọc H được hưởng phần di sản bằng nhau theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự.

[6] Ngày 19/01/2022, hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị ngôi nhà chính 69.589.520đ, công trình phụ (nhà vệ sinh) 7.517.648đ, giếng nước 2.636.800đ, giá trị đất ở 1.800.000.000đ, giá trị đất vườn 27.200.000đ. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị A là 1.906.943.968đ. Phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn D là 953.471.984đ chia 7 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận

136.210.283đ.

[7] Theo các hợp đồng ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Bích T3, anh Nguyễn Khắc T4, chị Nguyễn Thị Thu T5 đã ủy quyền cho anh Nguyễn Thành T2 tham gia tố tụng được quyết định toàn bộ nội dung tranh chấp. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thành T2 thay mặt những người đã ủy quyền và bản thân tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần được chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị A sở hữu. Trong nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, chị Nguyễn Thị Ngọc H cũng tự nguyên giao toàn bộ kỷ phần được chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị A sở hữu. Đây là sự tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[8] Bà Nguyễn Thị A được chia tài sản chung cùng 01 kỷ phần thừa kế và nhận 05 kỷ phần thừa kế được tặng cho nên giao toàn bộ nhà đất cho bà Nguyễn Thị A sở hữu. Bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế cho anh Nguyễn Thành T1 136.210.283đ.

[9] Trong quá trình sử dụng nhà, vợ chồng Nguyễn Thành T1, Võ Thị Hồng T đã làm mái hiên 4.353.888đ, cửa sắt kéo 800.000đ, 02 cửa đi bằng sắt 250.000đ, hệ thống thoát nhà vệ sinh 3.792.000đ. Tổng chi phí sửa chữa 9.195.888đ, buộc bà Nguyễn Thị A phải có nghĩa vụ thanh toán.

[10] Án phí, chi phí tố tụng: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội,

[10.1] Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị A vì là người cao tuổi.

[10.2] Anh Nguyễn Thành T1 phải chịu 5% án phí trên kỷ phần tài sản được chia là 136.210.283đ x 5% = 6.810.500đ.

[10.3] Chi phí phí đo đạc định giá tài sản 3.000.000đ do bà Nguyễn Thị A tạm ứng. Bà Nguyễn Thị A phải chịu 2.500.000đ, buộc anh Nguyễn Thành T1 hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A 500.000đ.

[11] Ý kiến đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn đề nghị hướng gaiir quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 213, 219, 609, 610, 611, 613, 614, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Xác định ngôi nhà số 299 đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định cấp

loại N8 diện tích 86,9m^2 xây dựng trên thửa đất số hiệu 324, tờ bản đồ số 11 diện tích theo hiện trạng đang sử dụng 206,8m^2 có giá trị 1.906.943.968đ (một tỷ chín trăm lẻ sáu triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng) là tài sản thuộc sở hữu chung vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn D.

2/ Ông Nguyễn Văn D chết không lập di chúc nên tài sản của ông Nguyễn Văn D có giá trị 953.471.984đ (chín trăm năm mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm tám mươi bốn đồng) được chuyển thành di sản thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là bà Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Thành T2, chị Nguyễn Thị Bích T3, anh Nguyễn Thành T1, anh Nguyễn Khắc T4, chị Nguyễn Thị Thu T5, chị Nguyễn Thị Ngọc H và chia bằng giá trị mỗi kỷ phần được nhận 136.210.283đ (một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn hai trăm ba mươi tám đồng).

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thành T2, chị Nguyễn Thị Bích T3, anh Nguyễn Khắc T4, chị Nguyễn Thị Thu T5, chị Nguyễn Thị Ngọc H giao kỷ phần thừa kế được chia cho bà Nguyễn Thị A sở hữu.

4/ Giao cho bà Nguyễn Thị A được sở hữu ngôi nhà số 299 Hồng Lĩnh, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (nhà cấp loại N8 diện tích 86,9m^2) xây dựng trên thửa đất số 324 tờ bản đồ số 11 diện tích 206,8m^2 tại khu vực Nam Phương Danh, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

5/ Buộc bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn D cho anh Nguyễn Thành T1 136.210.283đ (một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm mười nghìn hai trăm ba mươi tám đồng) và thanh toán chi phí, công sức sửa chữa tu bổ nhà cho vợ chồng anh Nguyễn Thành T1, chị Võ Thị Hồng T 9.195.888đ (chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6/ Án phí, chi phí tố tụng:

6.1/ Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị A vì là người cao tuổi.

6.2/ Anh Nguyễn Thành T1 phải chịu án phí 6.810.500đ (sáu triệu tám trăm mười nghìn năm trăm đồng).

6.3/ Chi phí phí đo đạc định giá tài sản 3.000.000đ (ba triệu đồng) do bà Nguyễn Thị A tạm ứng. Bà Nguyễn Thị A phải chịu 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), buộc anh Nguyễn Thành T1 hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

7/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Công Giáo